

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2021/DS-PT

Ngày: 25/02/2021

V/v “Tranh chấp vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phan Thị Tú Oanh**

Các Thẩm phán: 1. **Bà Huỳnh Thị Như Hà**

2. **Bà Nguyễn Thị Kim Cương**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thọ, cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà **Võ Thị Vĩnh Hưng** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 2 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 596/2020/DSPT ngày 19/11/2020 về việc “Tranh chấp vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 508/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 Tòa án nhân dân Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2020/QĐPT-DS ngày 18 tháng 1 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm: 1957.

Địa chỉ: Số nhà A, đường B, Phường 11, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang H

Địa chỉ: số nhà D, đường E, phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị Đơn: Bà Trần Ngọc Mai, sinh năm: 1949.

Địa chỉ: Số nhà H, đường I, khu phố 4, phường K, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Thanh V

Địa chỉ: Số nhà M, đường N, Phường 14, Quận C Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Chiêm Ích Đ, sinh năm: 1947.

Địa chỉ: Số nhà H, đường I, khu phố 4, phường K, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Thanh V

Địa chỉ: Số nhà M, đường N, Phường 14, Quận C Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, bà Lê Thị L, có ông Lê Quang H đại diện ủy quyền, trình bày:

Trước đây, do quen biết nên bà L có cho bà M vay tiền nhiều lần, cụ thể: Ngày 15/12/2016, vay tổng cộng 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng; Ngày 19/4/2017 và ngày 22/5/2017, vay tổng cộng 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng và ngày 13/12/2018, vay 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng. Tổng cộng số tiền bà L đã cho bà M vay là 1.600.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm triệu đồng). Khi vay, hai bên có lập biên nhận vay tiền, không có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả. Bà L đã nhiều lần liên hệ bà M, yêu cầu trả lại số tiền đã vay nhưng đến ngày 24/3/2020, bà M mới trả được 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Như vậy, bà M còn phải trả cho bà L số tiền 1.550.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng). Đây là số tiền của bà L cho riêng cá nhân bà M vay nên bà L yêu cầu riêng cá nhân bà M phải có trách nhiệm trả lại toàn bộ số tiền đã vay còn thiếu nói trên, trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Bà L tự nguyện không yêu cầu bà M phải trả lãi trên số tiền còn thiếu.

Bà Trần Ngọc M có ông Hà Thanh V đại diện ủy quyền, trình bày: Trước đây, giữa bà L và bà M có mối quan hệ làm ăn nên có vay mượn tiền qua lại với nhau rất nhiều lần. Việc vay mượn không lập thành văn bản mà chỉ ghi vào sổ của bà L và do bà L giữ. Khi vay, các bên cũng không có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả. Bà M nhớ chỉ còn nợ bà L số tiền tổng cộng là 1.450.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng). Đến ngày 24/3/2020, đã trả được số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Nay, bà M chỉ đồng ý trả bà L số tiền 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Phần tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng, chênh lệch còn lại bà M không đồng ý trả. Do làm ăn khó khăn nên bà M xin trả dần số tiền nợ gốc nói trên mỗi tháng 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Việc vay mượn tiền giữa bà M và bà L là do một mình bà thực hiện, chồng bà là ông Chiêm Ích Đ không tham gia và không có liên quan.

Ông Chiêm Ích Đ có ông Hà Thanh V đại diện ủy quyền, trình bày: Giữa bà L và bà M có mối quan hệ làm ăn nên vay, mượn tiền qua lại với nhau rất nhiều lần. Việc vay mượn này là việc riêng giữa bà M với bà L, ông Đ không tham gia vào vì đây là việc làm ăn riêng của bà M và bà L. Nay, bà L khởi kiện yêu cầu bà M trả nợ, ông Đ không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 508/2020/DSST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị L.

Buộc bà Trần Ngọc M có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị L số tiền là 1.550.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng), trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu bà M phải trả lãi trên số tiền còn thiếu.

Đôi bên thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bà M chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05 tháng 10 năm 2020, bị đơn bà Trần Ngọc M kháng cáo toàn bộ bản án, ý kiến không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện bị đơn Ông Hà Thanh V trình bày yêu cầu kháng cáo: xin xem xét lại vì không vay số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên và xin trả dần vì hoàn cảnh khó khăn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của chủ tọa, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các bên đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Đề nghị y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Ngọc M làm đúng hình thức, trong hạn luật định và bà M thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nên được công nhận về mặt hình thức.

[2] Về nội dung:

Bị đơn bà Trần Ngọc M kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà phải trả một lần số tiền 1.550.000.000 (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu) đồng là chưa xem xét đến hoàn cảnh gia đình của bà hiện nay, đồng thời, bà M không thừa nhận số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng mà bà đã vay của bà L, bà chỉ thừa nhận có vay tổng cộng 1.450.000.000 (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu) đồng, đã trả 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

Xét thấy, bị đơn bà M thừa nhận có vay của bà L số tiền 1.450.000.000 (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu) đồng, bà M chỉ không thừa nhận có vay 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng. Căn cứ vào Biên nhận mượn tiền 15/12/2016, ngày 19/4/2017, ngày 22/5/2017, ngày 13/12/2018 đều có chữ ký và chữ viết của bị đơn Trần Ngọc M được bà M xác nhận là của bà thì ngoài một số khoản được bà L xác nhận bà M đã trả, các khoản còn lại chưa trả tổng cộng là

1.600.000.0000 (Một tỷ sáu trăm triệu) đồng, nên có căn cứ xác định bà M còn nợ bà L theo các chứng cứ nêu trên là 1.600.000.000 (Một tỷ sáu trăm triệu) đồng. Hai bên xác nhận bà M sau đó đã trả được 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng nên yêu cầu của bà L buộc bà M trả số tiền nợ chưa trả 1.550.000.000 (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu) đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bà M trả nợ cũng như việc buộc thực hiện việc trả nợ ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, đúng pháp luật, nên việc bà M cho rằng Tòa án chưa xem xét đến hoàn cảnh gia đình của bà hiện nay là không đúng là không có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị đơn bà M không đưa ra được chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu và ý kiến của mình. Từ những nhận định trên, xét kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận và bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bà Trần Ngọc M thuộc đối tượng được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật. Bà M không phải nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 203; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 471; Điều 474 và Điều 477 Bộ luật Dân sự 2005;
- Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của UBTVQH.

1. Không chấp nhận kháng cáo của Bà Trần Ngọc M. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 508 /2020/DS-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh

Tuyên Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị L.

Buộc bà Trần Ngọc M có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị L số tiền là 1.550.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng), trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu bà M phải trả lãi trên số tiền còn thiếu.

Đôi bên thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bà M chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí DSST: Bà Trần Ngọc M thuộc đối tượng được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật và đã có đơn đề nghị được miễn tiền án phí. Bà M không phải nộp tiền án phí.

Đơn khởi kiện của bà Lê Thị L thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Ngọc M thuộc đối tượng được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật và đã có đơn đề nghị được miễn tiền án phí. Bà M không phải nộp tiền án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND quận L;
- Chi cục THADS quận L;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Tú Oanh